Ipsard
Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp nông thôn

SỐ 3
Tháng
NĂM 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HOA KỲ

Xuất khẩu và Nhập khẩu NLTS Việt Nam - Hoa Kỳ

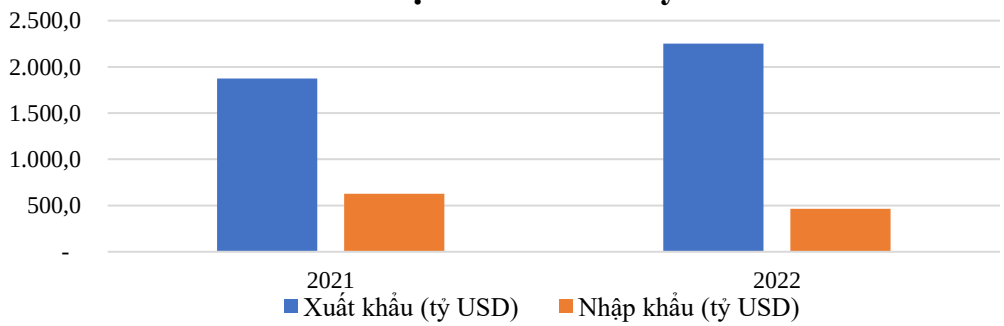

So sánh Kim ngạch XNK NLTS Việt Nam – Hoa Kỳ (2T – 2022/2021)

- Xuất khẩu ▲ 20,2%
- Nhập khẩu ▼ 26,0%

Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Hoa Kỳ 2T-2022 so với 2T-2021

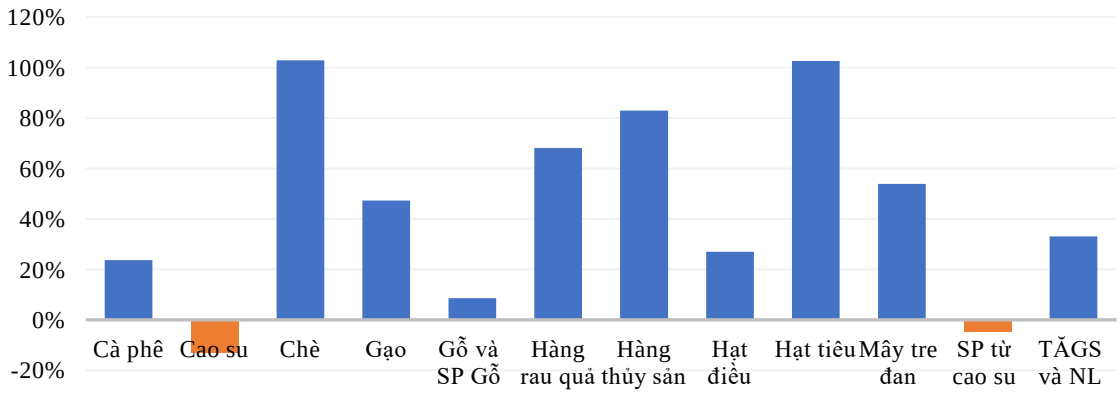

So sánh T2-2021/2020

Cà phê	▲ 23,7%
Cao su	▼ 12,9%
Chè	▲ 102%
Gạo	▲ 47,3%
Gỗ và SP Gỗ	▲ 8,5%
Rau quả	▲ 68,1%
Thủy sản	▲ 82,9%
Hạt điều	▲ 27%
Hạt tiêu	▲ 102%
Mây tre đan	▲ 63,8%
SP từ cao su	▼ 4,6%
TĂGsS và NL	▲ 33,1%

Biến động giá xuất khẩu bình quân của NLTS chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ T2/2022 so với T1/2022

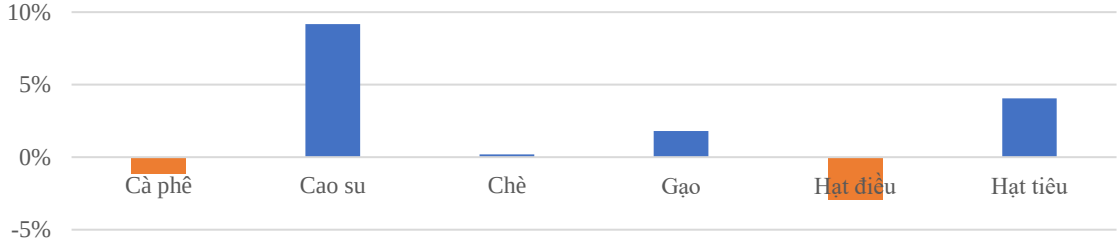

So sánh giá xuất khẩu bình quân T2-2021/2020

Cà phê	▼ 1,1%
Cao su	▲ 9,2%
Chè	▲ 0,2%
Gạo	▲ 1,8%
Hạt điều	▼ 3,0%
Hạt tiêu	▲ 4,1%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, trong hai tháng đầu năm nay, Hoa Kỳ đã vượt qua Trung Quốc và trở thành thị trường nhập khẩu nông sản Việt Nam lớn nhất, với giá trị kim ngạch trên 2,3 tỷ USD, cao hơn Trung Quốc 1 tỷ USD. trong khi nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường này chỉ ở mức 233 triệu USD, giảm 30,7% so với cùng kỳ năm 2021.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Hoa kỳ trong tháng 2/2022 là gỗ và các sản phẩm gỗ (chiếm 63,2%), thủy sản (16,5%), hạt điều (5,9%). So với tháng 1/2022, hầu hết các mặt hàng NLTS của Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ đều có kim ngạch tăng so với cùng kì năm trước như: chè tăng 139%, thức ăn chăn nuôi tăng 111%, hạt tiêu tăng 87,8%, hàng thủy sản tăng 84,3% và hàng rau quả tăng 66,4%. Một số mặt hàng có xu hướng giảm như: cao su giảm 12,6%, cà phê giảm 1,3%. *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

Theo Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công thương, Việt Nam có nhiều cơ hội và dư địa để gia tăng xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ. Trong khi, Việt Nam được coi là 1 trong 10 đối tác thương mại lớn nhất của Hoa Kỳ, nhưng tổng giá trị xuất khẩu nông, lâm, thủy sản chỉ chiếm khoảng 1 - 2% giá trị nhập khẩu nông sản của Hoa Kỳ. Hoa Kỳ là vừa là quốc gia xuất khẩu nông sản hàng đầu nhưng đồng thời cũng là quốc gia nhập khẩu nông sản lớn nhất thế giới.

Dự báo năm 2022, xuất khẩu nông sản của Hoa Kỳ sẽ đạt trên 175 tỷ USD và giá trị nhập khẩu khoảng 165 tỷ USD, điều này cho thấy quy mô thị trường tiêu thụ nông sản thực phẩm của Hoa Kỳ là rất lớn. Một số nhóm sản phẩm có tỷ trọng nhập khẩu lớn bao gồm thủy sản, nông sản nhiệt đới, gia vị chiếm đến trên 90%, rau quả tươi, hạt thực vật, nước trái cây tỷ trọng nhập khẩu chiếm từ 20 - 50%.

Để thâm nhập vào thị trường Hoa Kỳ, Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công thương khuyến nghị, doanh nghiệp Việt Nam quan tâm hơn nữa đến chất lượng, tiêu chuẩn nhập khẩu của Hoa Kỳ được kiểm soát bởi Cơ quan Quản lý thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA). Các doanh nghiệp cần phải hiểu rõ luật tiểu bang, liên bang và các quy định riêng tại thị trường Hoa Kỳ. Trước khi bước vào thị trường mới, doanh nghiệp cần phải nghiên cứu thật đầy đủ, đặc biệt thị trường ngách, định vị lợi thế của hàng hóa Việt Nam so với sản phẩm cùng loại của các quốc gia Thái Lan, Đài Loan, Mexico....

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 2/2022, Việt Nam xuất khẩu được 2,2 nghìn tấn gạo, trị giá 1,8 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, giảm 6,1% về khối lượng và 4,4% về giá trị so với tháng trước; và tăng 67,9% về khối lượng và 60,7% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ

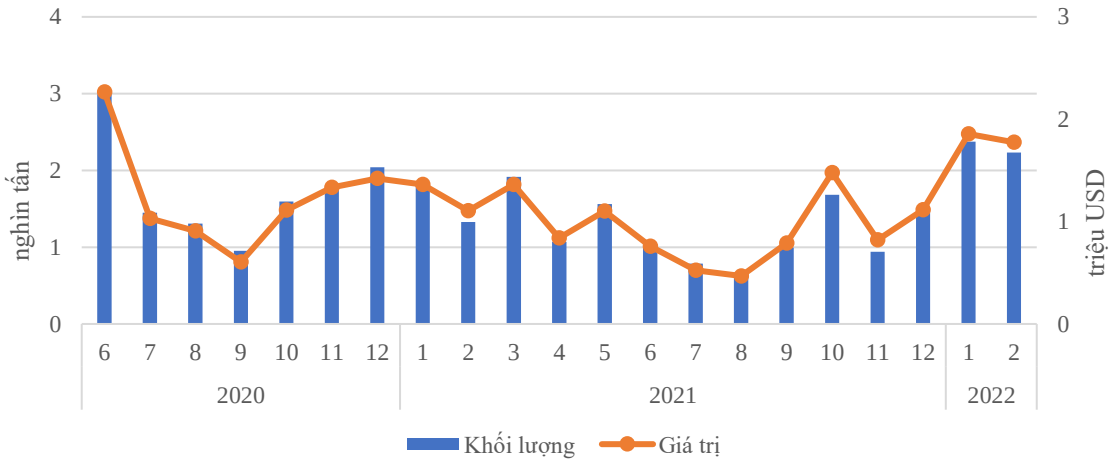

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 2/2022 đạt 795,5 USD/tấn, tăng 1,8% so với tháng trước nhưng giảm 4,3% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ

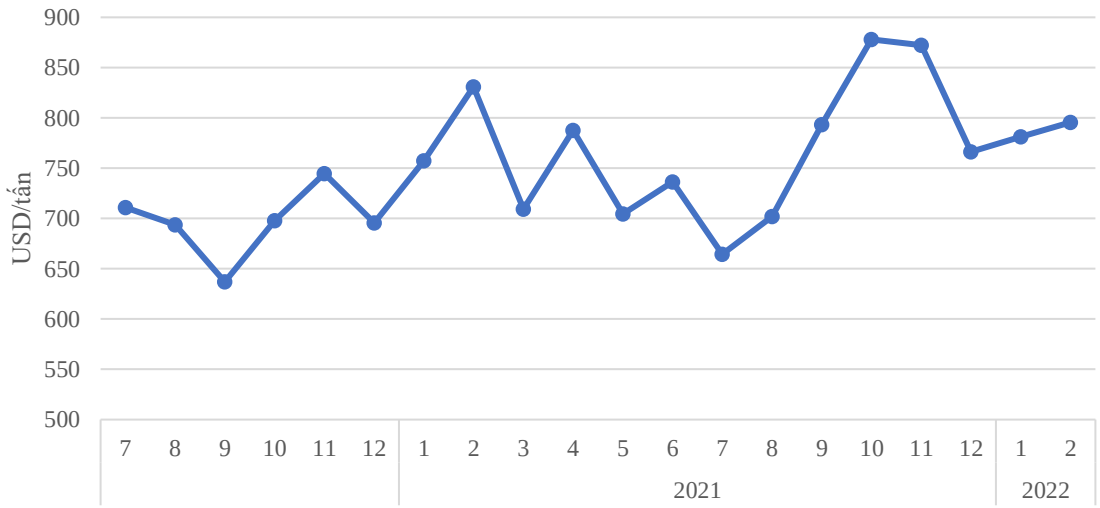

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 2/2022, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 1,9 nghìn tấn, trị giá 1,5 triệu USD (chiếm 85,2% về khối lượng và 86,9% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang Hoa Kỳ đã tăng 64,4% về khối lượng và 58,7% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo thơm tháng 2/2022 đạt trung bình 755,6 USD/tấn, giảm 3,8% so với tháng trước và 1,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài ra, giá gạo trắng đạt 590,0 USD/tấn, giảm 8,3% so với tháng trước nhưng tăng 1,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hoa Kỳ

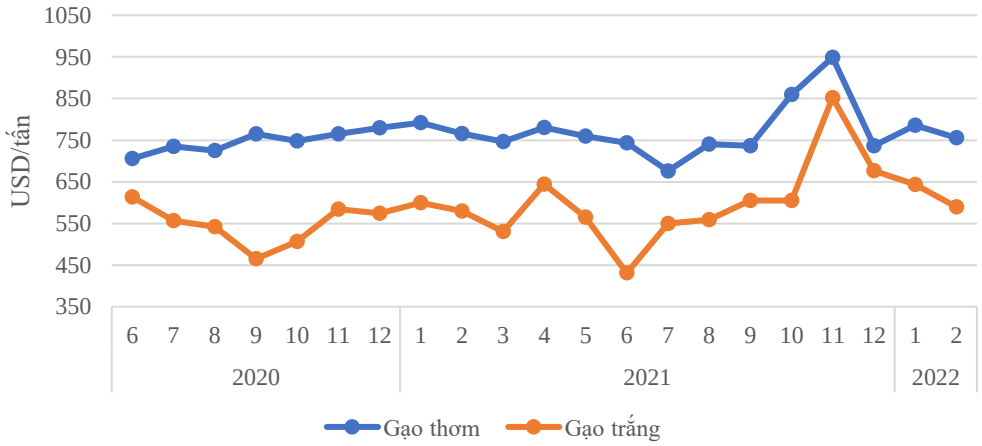

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Ghi chú: Giá gạo trắng không bao gồm các loại gạo hữu cơ

2. RAU QUẢ

Theo Hiệp hội Táo và lê Thế giới, dự trữ táo tại Hoa Kỳ tính đến ngày 1/3/2022 ở mức 1.275.346 tấn (tăng 1,6% so với năm 2021), trong khi dự trữ lê đạt 111.912 tấn (tăng 37,7% so với năm 2021).

Sản lượng cam quýt năm 2021/22 của Hoa Kỳ được dự báo là 6 triệu tấn, giảm 13% so với sản lượng cuối niên vụ 2020/21. Tổng sản lượng sụt giảm là do sản lượng cam và bưởi thấp hơn ở California, Florida và Texas, và sản lượng quýt thấp hơn ở California và Florida.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 2 năm 2022 đạt 17,1 triệu USD, chiếm 7,9% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, giảm 23,7% so với tháng trước và tăng 66,4% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung cả 2 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này đạt 39,4 triệu USD, chiếm 7,7% thị phần, tăng 68,3% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ

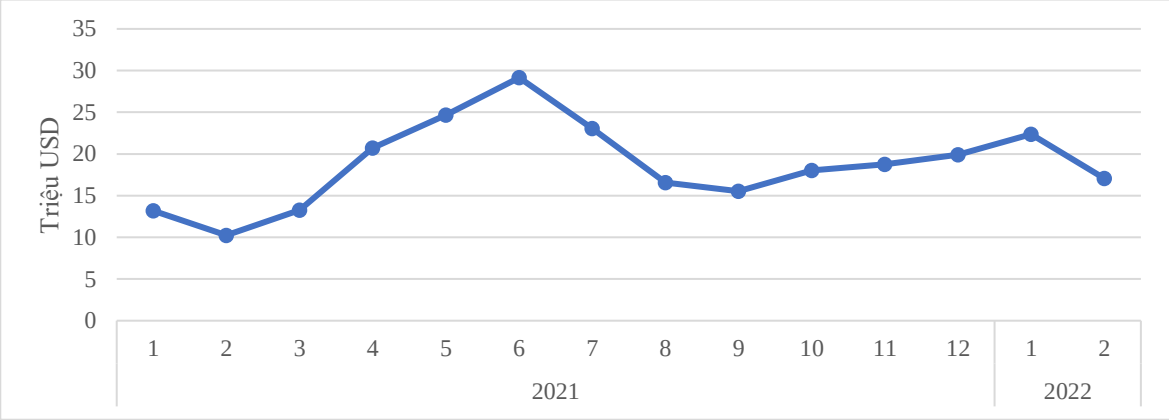

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 2 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 8,8 triệu USD (chiếm 51,4% thị phần, tăng 61,9% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 8,3 triệu USD (chiếm 48,6% thị phần), tăng 71,5%, trong đó: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 3,8 triệu USD, tăng 174,4% so với cùng kỳ năm trước; (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 2,5 triệu USD (tăng 48,7%); (iii) rau chế biến (không đông lạnh) (mã HS.2005) đạt 1,2 triệu USD (tăng 131,2%); v.v.

Trong tháng 2 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhiều nhất bao gồm: dừa đạt 3,3 triệu USD (chiếm 19,1% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 257,9% so với cùng kỳ năm 2021; thanh long đạt gần 3 triệu USD (chiếm 17,6%), tăng 82,9%; sầu riêng đạt 1,6 triệu USD (chiếm 9,5%), cao gấp 15,2 lần; dứa đạt 1,2 triệu USD (chiếm 6,9%), cao gấp 6,2 lần; v.v.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 2 năm 2022

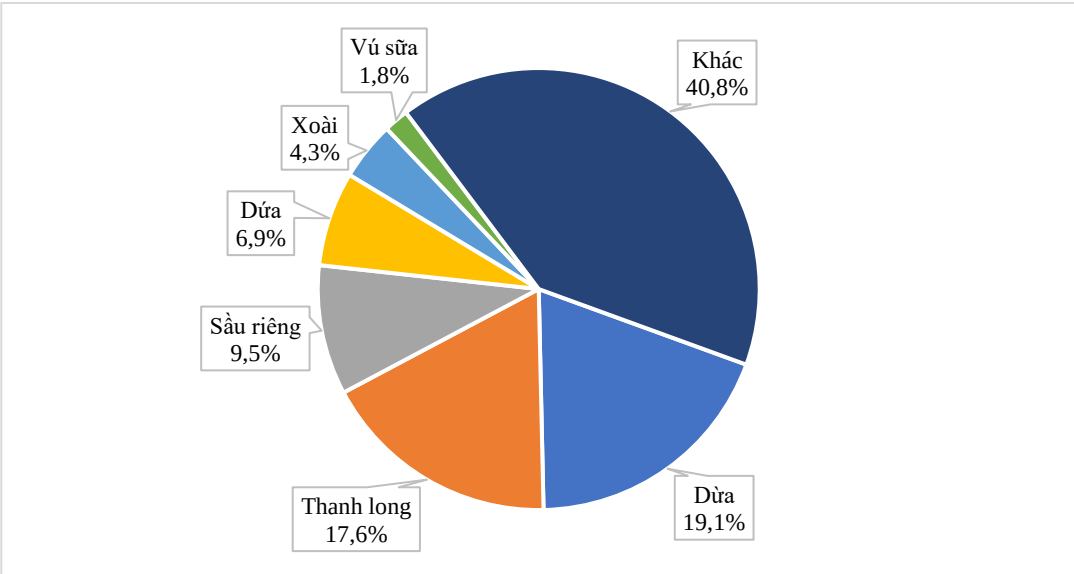

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 2 năm 2022 đạt 19,6 triệu USD, chiếm 21,3% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt gần 44 triệu USD, chiếm 6,0% thị phần, giảm 21,7% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 2/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: táo đạt 5,9 triệu USD, chiếm 30,4% tổng giá trị nhập khẩu, giảm 8,6% so với cùng kỳ năm 2021; hạnh nhân đạt 4,9 triệu USD (chiếm 24,9%), tăng 35,3%; hạt dẻ đạt 3,3 triệu USD (chiếm 16,6%), tăng 9,7%; óc chó đạt 2,1 triệu USD (chiếm 10,9%), tăng 145,3%; khoai tây đạt 1,8 triệu USD (chiếm 9,3%), giảm 7,2%; v.v.

3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 02/2022 ước đạt 7,5 nghìn tấn với trị giá 19,2 triệu USD, giảm 15,8% về khối lượng và 16,7% về giá trị so với tháng trước, và giảm 26,4% về khối lượng và 1,3% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

Hình 6. Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ

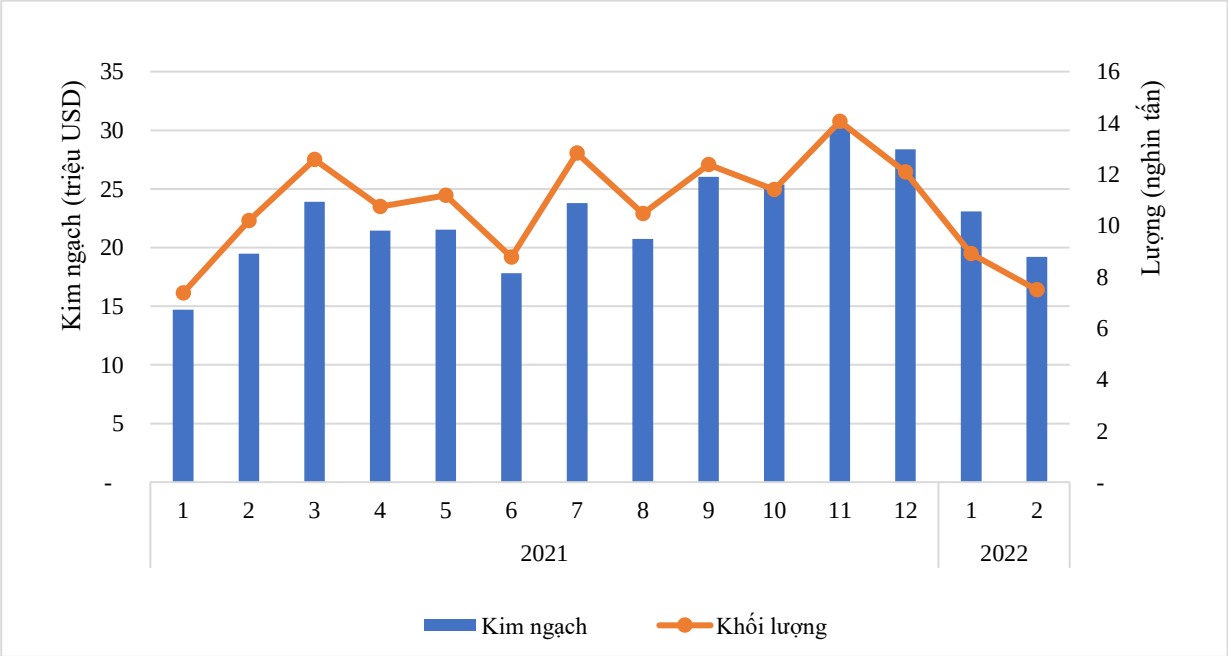

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 02/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ đạt mức 2.563 USD/tấn, giảm 1,1% so với tháng trước nhưng tăng 34,1% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 7. Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ

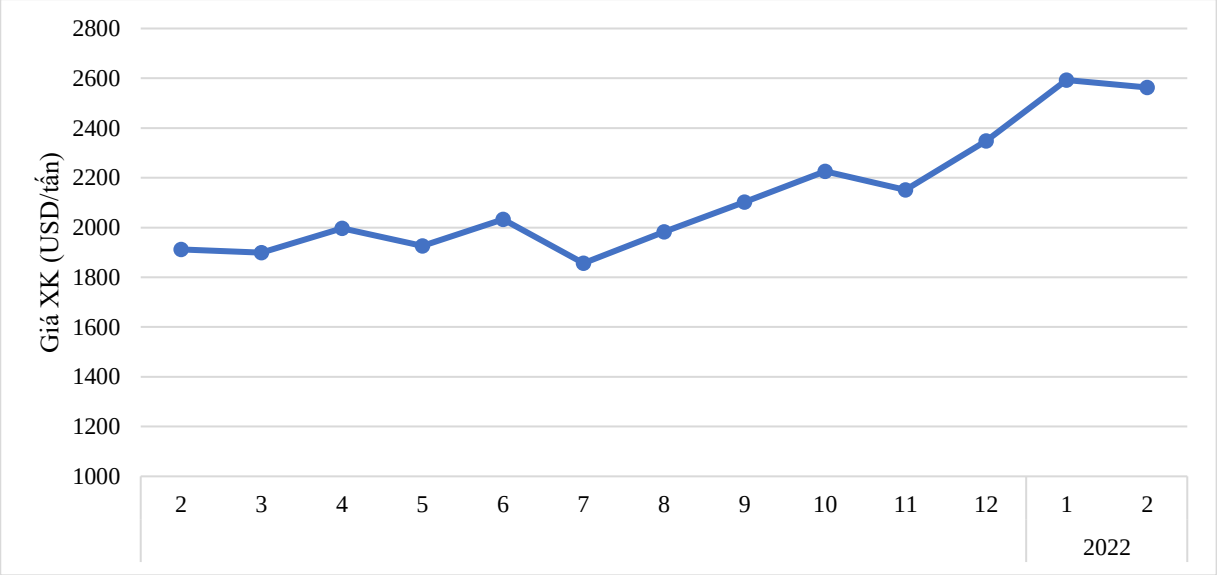

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 02/2022, cà phê chưa rang chưa khử cafein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 16,3 triệu USD, chiếm 84,8% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 863,1 nghìn USD, chiếm 4,5% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử cafein và cà phê chưa rang đã khử cafein, chiếm lần lượt 4,3% và 3,6% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Hình 8. Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 02/2022

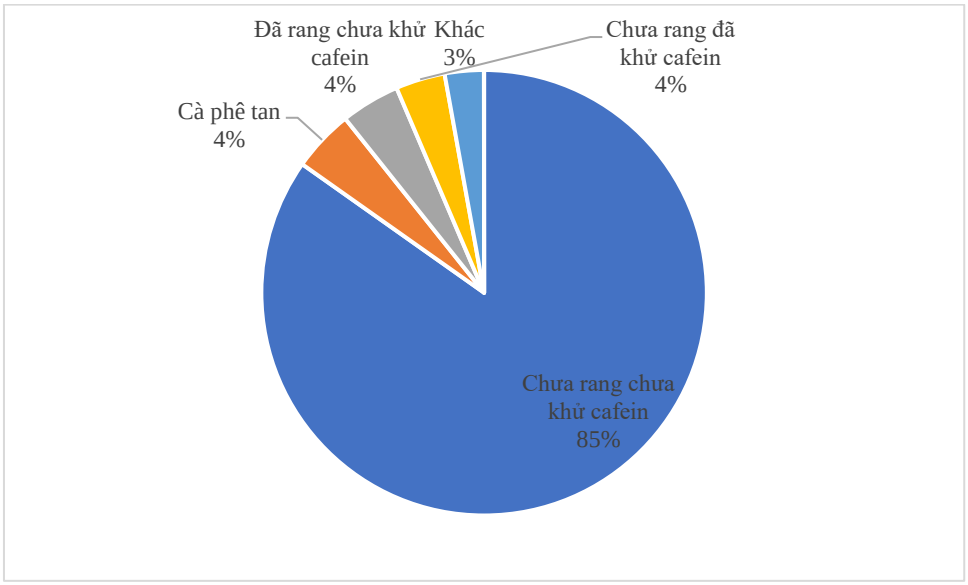

Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. HỒ TIÊU

Theo công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 2/2022 đạt 4.372 tấn, tương ứng với 21,84 triệu USD, giảm 18,74% về khối lượng và 15,4% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này lại tăng 19,4% về khối lượng và 89% về giá trị.

Hình : Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ

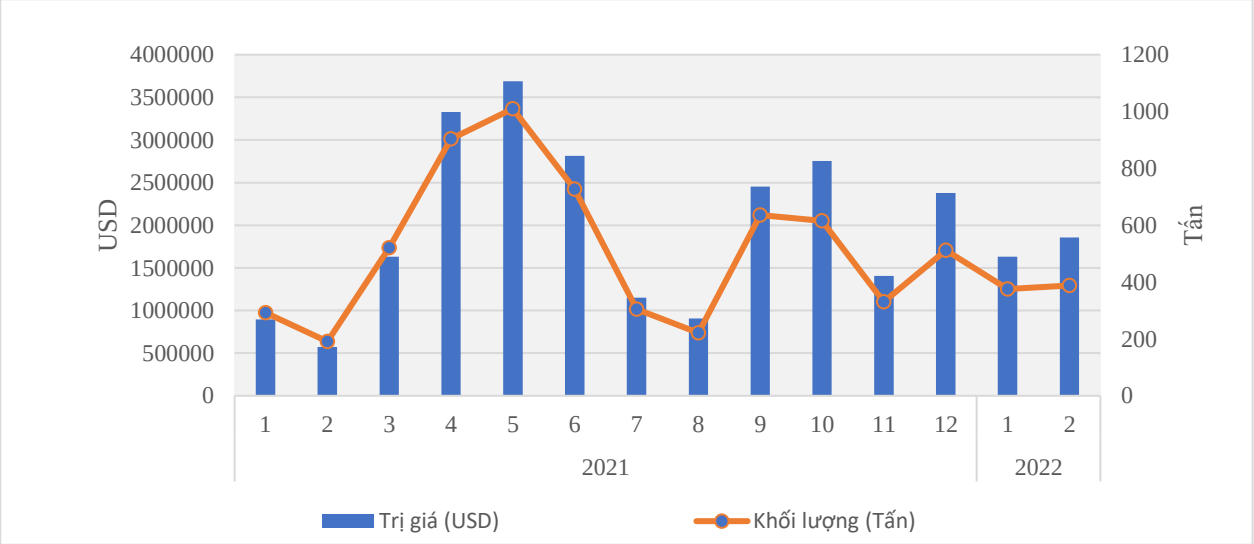

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 2/2022, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 64% tổng giá trị tiêu các loại xuất khẩu xuất sang Hoa Kỳ, giảm 3,36% so với tháng trước nhưng tăng 319% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu trắng chưa xay, chiếm 14%, tăng 187% so với năm trước và 63% so với tháng trước.

Hình: Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 2/2022

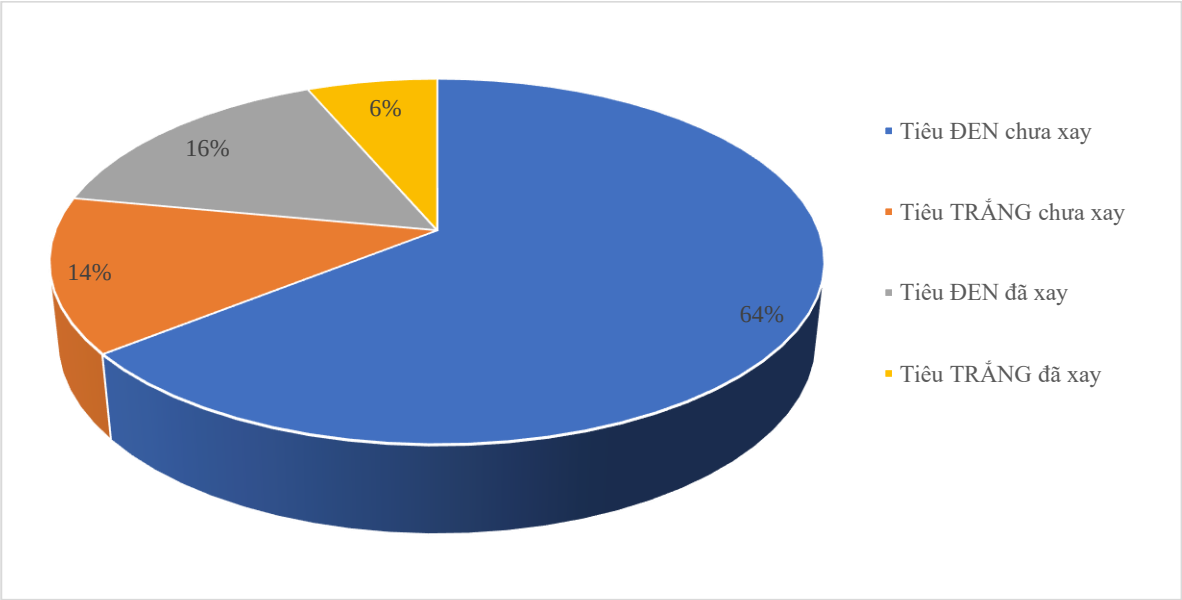

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu trung bình của hồ tiêu Việt Nam vào thị trường này trong tháng 1/2022 đạt 4.996 USD/tấn, tăng 4,1% so với tháng trước nhưng tăng 58,7% so với cùng kỳ năm trước.

Hình : Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ

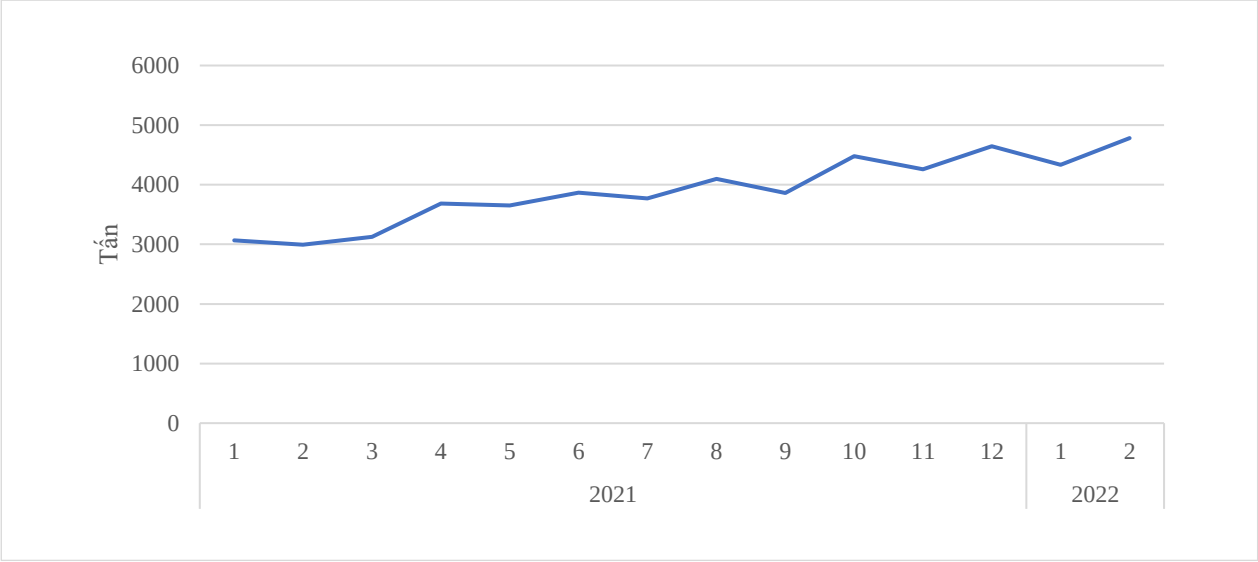

Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

5. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 2/2022, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ đạt 9,3 nghìn tấn, trị giá 52,5 triệu USD, giảm 26,3% về khối lượng

và 28,5% về giá trị so với tháng trước nhưng tăng 50% về khối lượng và 54% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

Hình 9. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ

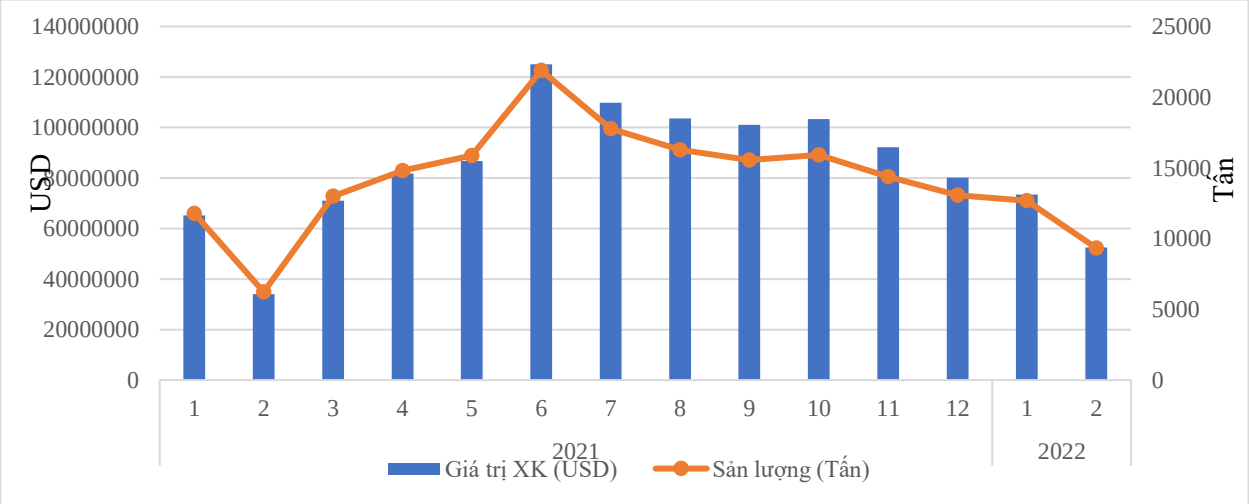

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu điều sang thị trường này vẫn chủ yếu là hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tới 82%, đạt 42,7 triệu USD, giảm 31,4% so với tháng trước nhưng tăng 50,5% so với cùng kỳ năm trước; hạt điều rang đạt 9,2 triệu USD chiếm 17,72%, tăng 70% so với cùng kỳ năm trước và giảm 14% so với tháng trước.

Hình 10. Cơ cấu sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ

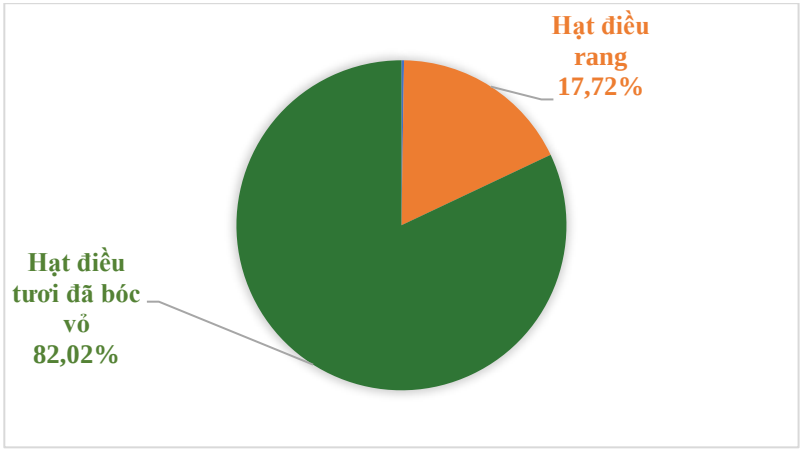

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tiếp tục giảm nhẹ vào cuối năm. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân tháng 2/2022 đạt 5.620 nghìn USD/tấn, giảm 3% so với tháng trước nhưng tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá xuất khẩu hạt điều tươi đã bóc vỏ sang thị trường này trung bình đạt 5,6 USD/kg, giảm 0,4% so với tháng trước nhưng tăng 4,2% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 11: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ

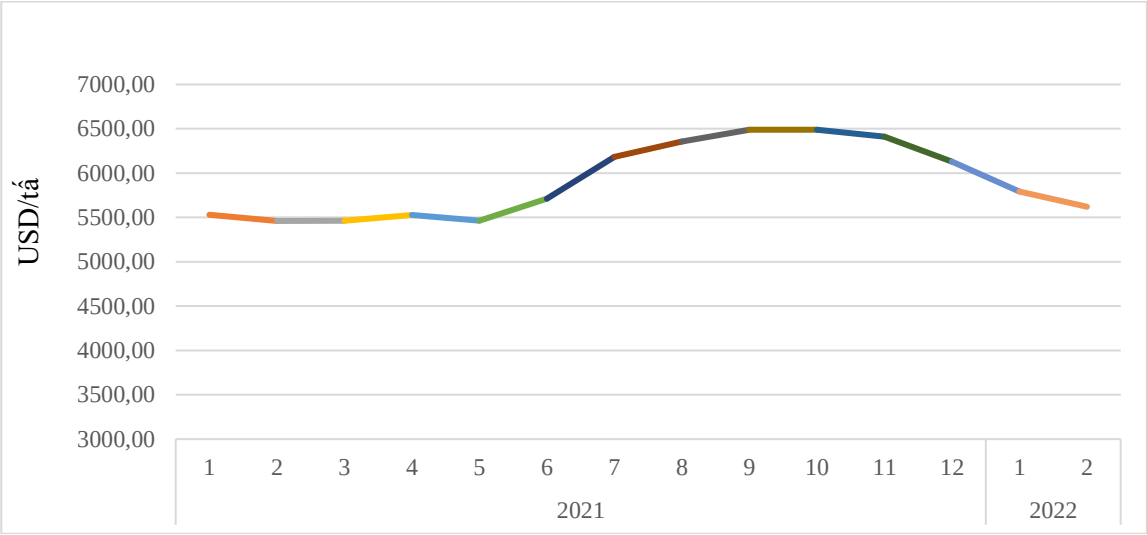

Nguồn: Tổng cục Hải quan

6. THỦY SẢN

Lạm phát tăng cao khiến doanh thu bán lẻ thủy sản tại Hoa Kỳ giảm. Theo số liệu của IRI và 210 Analytics, giá thủy sản sản tươi sống tại Hoa Kỳ trong tháng 2/2022 tăng 10,9% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, cá tươi sống có mức tăng cao nhất, tăng 18,9%, giá các loại thủy sản có vỏ tăng thấp nhất, tăng 2%. Giá hải sản đông lạnh tăng 15,9%, giá các loại hải sản có thể bảo quản lâu tăng 13,3%. Lạm phát và đứt gãy chuỗi cung ứng làm doanh thu thủy sản tươi sống và đông lạnh của Hoa Kỳ giảm 9,4% trong tháng 2/2022, xuống còn 576 triệu USD; doanh thu thủy sản tươi sống giảm 12,0%, xuống còn 521 triệu USD; doanh thu thủy sản có vỏ giảm 9,1%; cá giảm 3,7% và các loại hải sản bảo quản 4,8%.

Văn phòng Kiểm soát Tài sản Nước ngoài (OFAC) thuộc Bộ Tài chính Hoa Kỳ đã ban hành các hướng dẫn về việc thực thi lệnh hành pháp mới của Tổng thống Hoa Kỳ Joe Biden về việc cấm nhập khẩu tất cả các mặt hàng thủy sản, đồ uống có cồn, và kim cương phi công nghiệp của Nga. Theo hướng dẫn của OFAC, các mặt hàng được vận chuyển theo hợp đồng trước ngày 11/3/2022 sẽ vẫn được chấp nhận ở Hoa Kỳ, tuy nhiên, tất cả các hàng hóa nhập khẩu bị ảnh hưởng đều phải đến Hoa Kỳ muộn nhất vào "12:01 AM, ngày 25/3/2022".

Hoa Kỳ tiếp tục duy trì vị trí số 1 trong các nước xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Theo tổng cục hải quan, tháng 2/2022, giá trị xuất khẩu thuỷ sản sang thị trường này đạt đạt trên 146,3 triệu USD, chiếm 22,9% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam, tăng 84,3% so với cùng kỳ năm 2021 nhưng giảm 26,8% so với tháng trước.

Hình 12. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 2/2022

ĐVT: Triệu USD

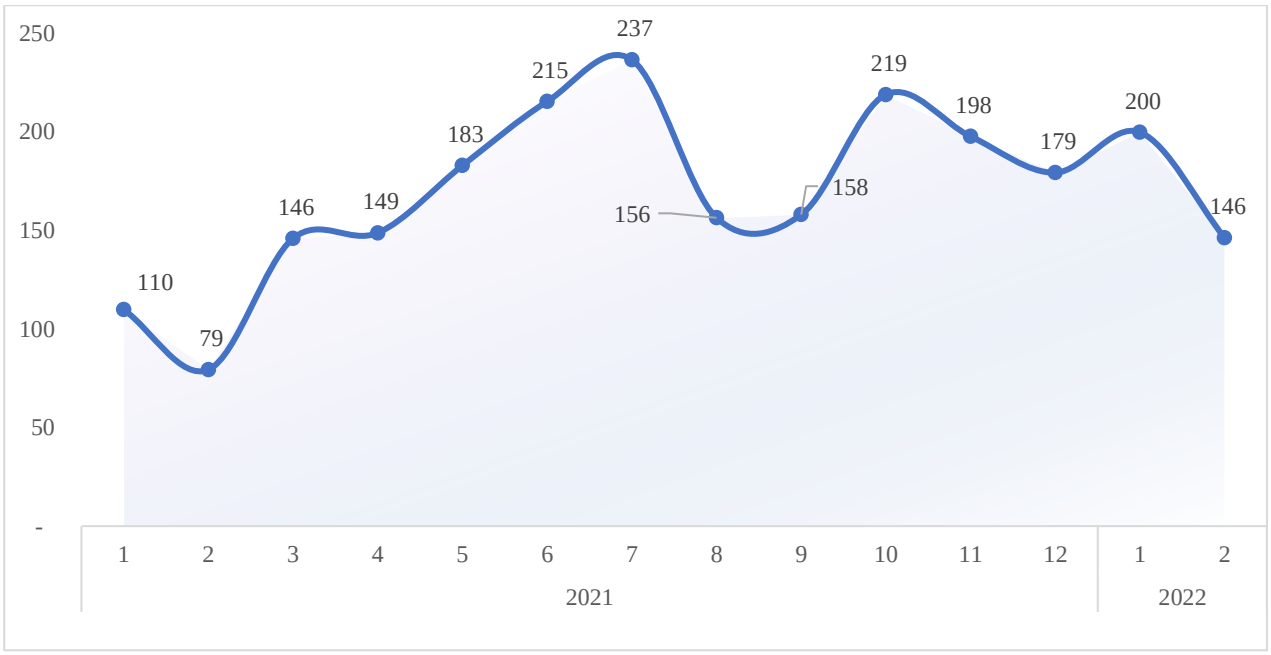

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị xuất khẩu thuỷ sản sang thị trường này có xu hướng giảm trong tháng này, tôm là mặt hàng thủy sản lớn nhất xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 2/2022, chiếm 34,2%, cá da trơn chiếm 28,4%

Hình 13. Cơ cấu xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 2/2022

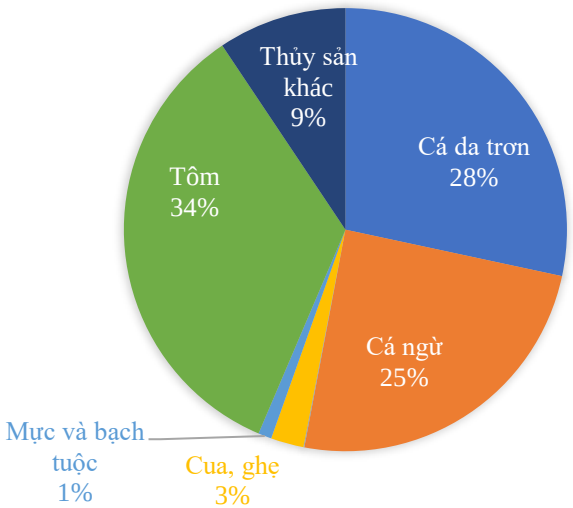

Nguồn: Tổng cục hải quan

Tháng 2/2022, xuất khẩu tôm chế biến các loại của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ đạt 31,8 triệu USD, chiếm 63,5% giá trị xuất khẩu sang thị trường này, tăng 42,2% so với tháng 2/2021; tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 15,8 triệu USD, chiếm 31,6%, tăng 103,9%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 2,3 triệu USD, chiếm 4,7%, tăng 78,1%; tôm các loại sống/ đông lạnh đạt 0,1 triệu USD, chiếm 0,2%, giảm 50,2%.

Hình 14. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hoa Kỳ tháng 2/2022

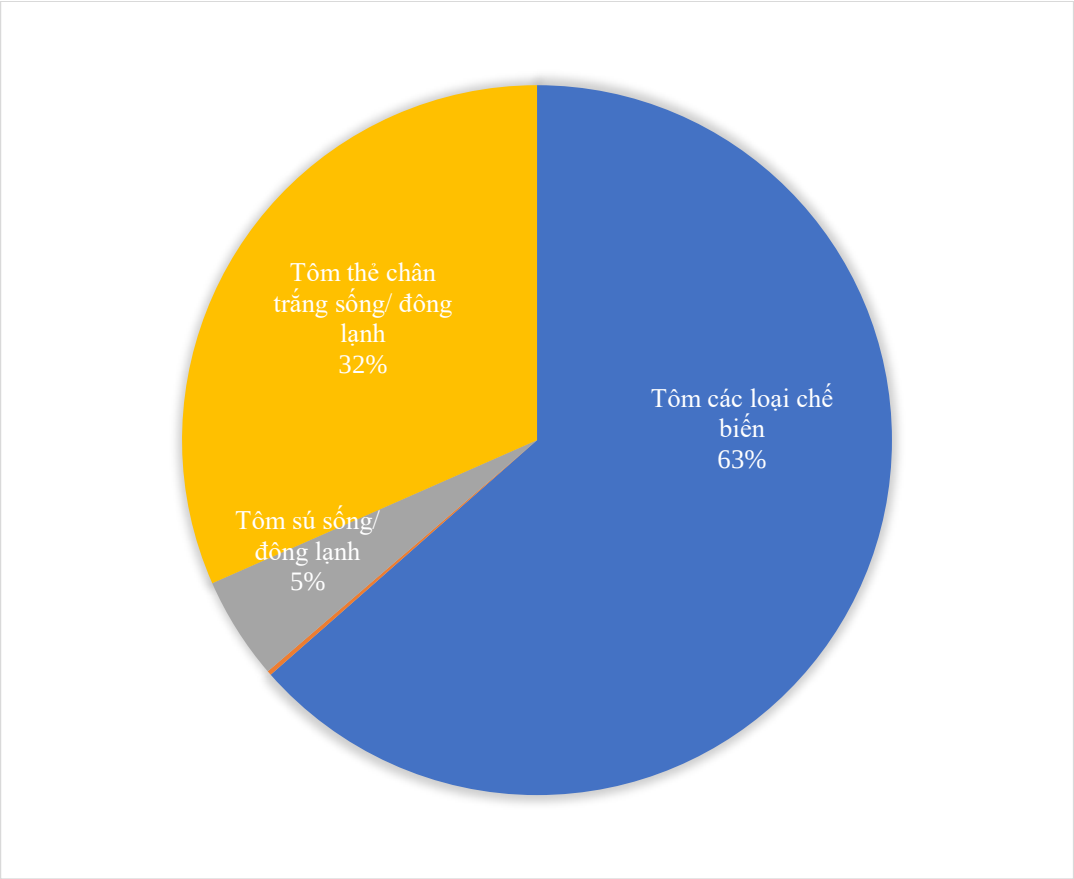

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Xuất khẩu cá da trơn sang thị trường này tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước (tăng 160,4%). Cá dá trơn xuất khẩu sang thị trường này chủ yếu là cá tra phi lê chiếm tới 98%, đạt 40,7 triệu USD, tăng 162,9% so với cùng kỳ năm trước và giảm 19% so với tháng trước.

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 1/2022 như sau: Cá ngừ đạt 36 triệu USD, tăng 97% so với tháng 1/2021; cua, ghẹ đạt 3,5 triệu USD, tăng 42,3%; mực bạch tuộc đạt 1,4 triệu USD, tăng 52,8% và thủy sản khác đạt 13,7 triệu USD, tăng 37,1%.

Tháng 2/2021, giá xuất khẩu tôm đạt trung bình 11,9 USD/kg, tăng 28,7% so với cùng kỳ năm 2021; cá da trơn đạt 4,4 USD/kg tăng 15,4%. Cụ thể,

Bảng 1. Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 2/2022

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	4,4	15,4%	-3,4%
2	Cá ngừ	12,2	38,0%	5,7%
3	Cua, ghẹ	21,6	20,3%	-3,4%
4	Mực và bạch tuộc	17,2	38,9%	31,8%
5	Tôm	11,9	28,7%	8,4%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

7. GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Hoa Kỳ luôn là thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ chính của Việt Nam trong nhiều năm qua, tốc độ tăng trưởng nhanh sang thị trường này góp phần thúc đẩy ngành gỗ tăng trưởng khả quan.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 02/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 559,6 triệu USD, giảm 39,7% so với tháng trước nhưng tăng 2,3% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 15: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ

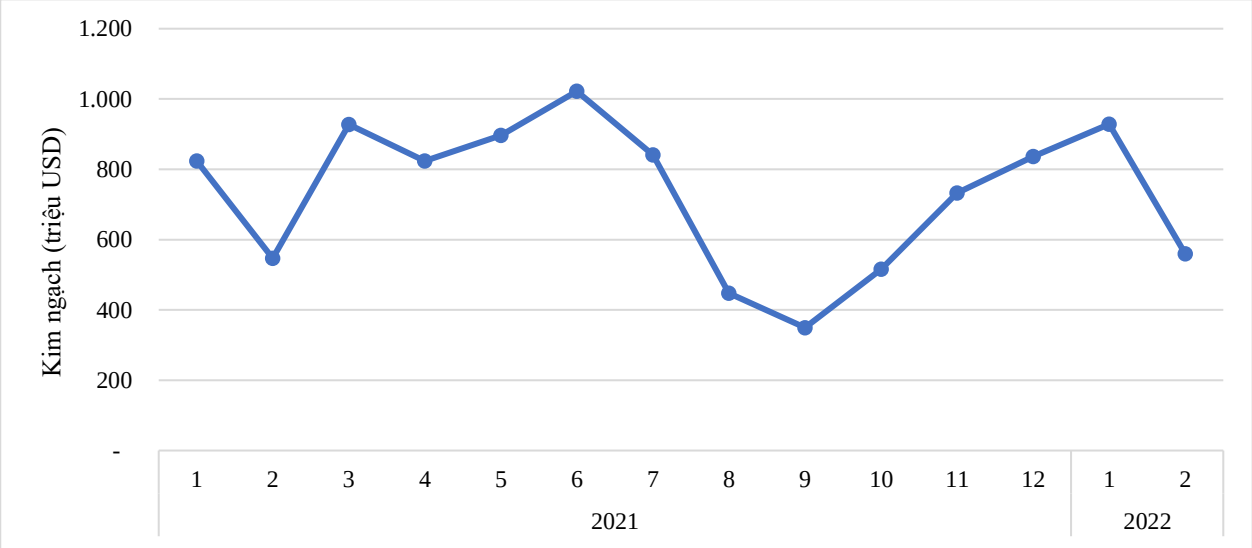

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 02/2022, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 18,4 triệu USD, chiếm 79,5% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là ván sợi với kim ngạch 3,1 triệu

USD, chiếm 13,5% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ được tăng độ rắn và gỗ ván, chiếm lần lượt 5,5% và 1,5% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Hình: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 02/2022

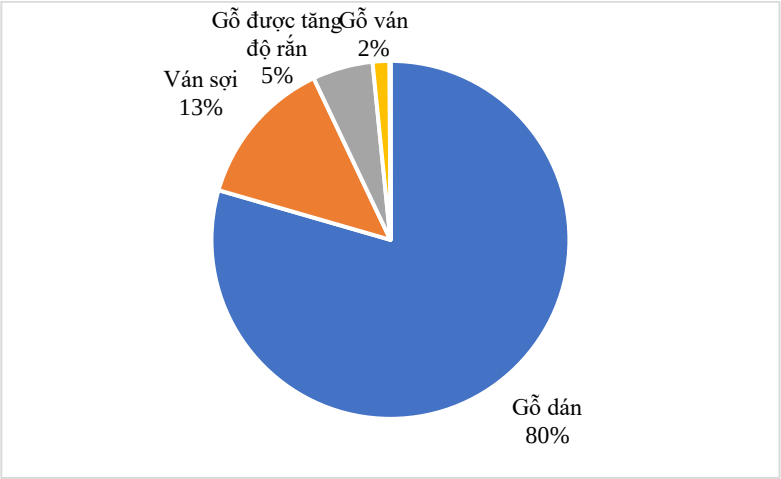

Nguồn: Tổng cục Hải quan

8. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 02/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 2,9 nghìn tấn với trị giá 5,3 triệu USD, giảm 14,3% về khối lượng và 6,4% về giá trị so với tháng trước, và giảm 20,4% về khối lượng và 12,6% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

Hình 16: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ

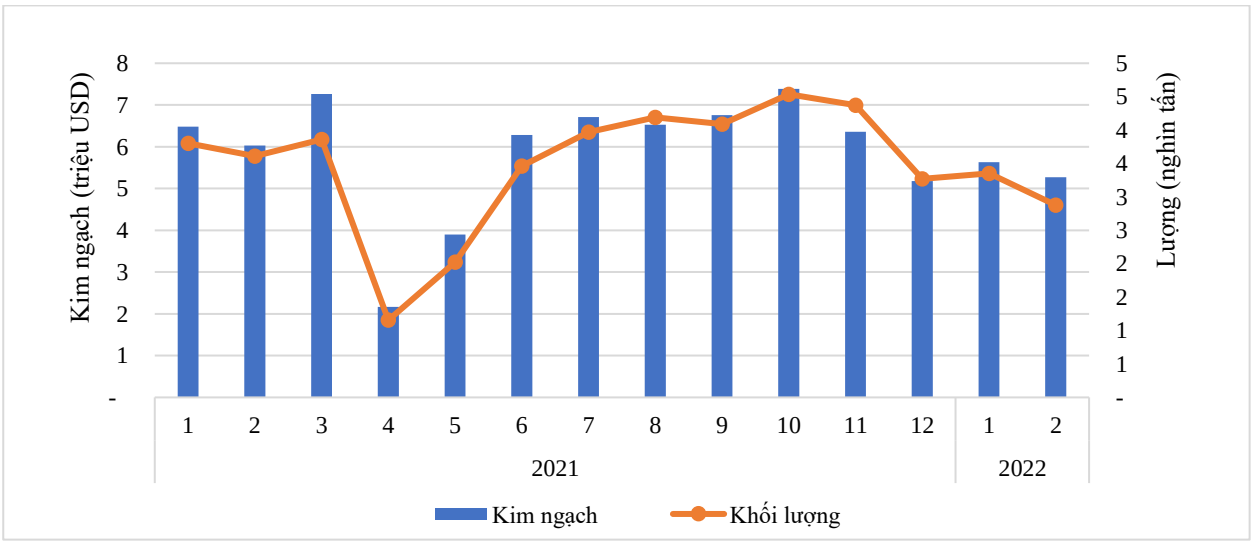

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 02/2022, cao su TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 843,0 nghìn USD, chiếm 16,0% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR L với kim ngạch 748,7 nghìn USD, chiếm 14,2% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là mủ cao su tự nhiên và RSS 3, chiếm lần lượt 7,0% và 5,8% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Hình 17: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 02/2021

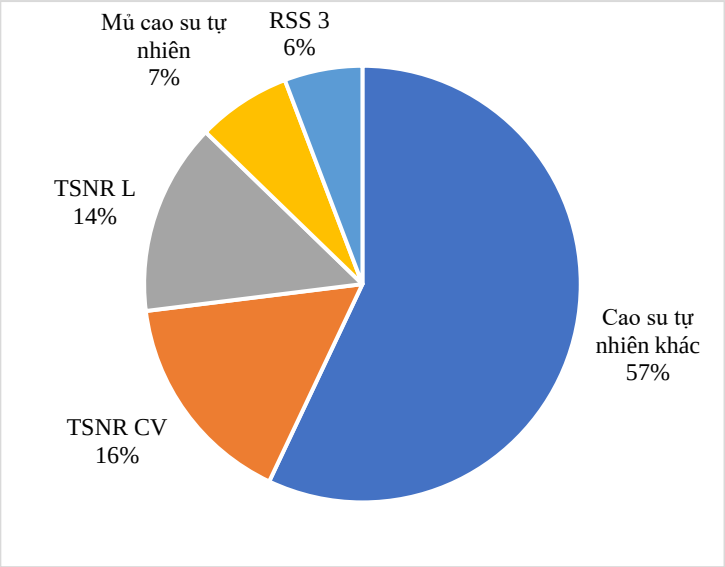

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su tự nhiên xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 02/2022 đạt mức 1.832 USD/tấn, tăng 9,2% so với tháng trước và tăng 9,8% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 18: Giá cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ

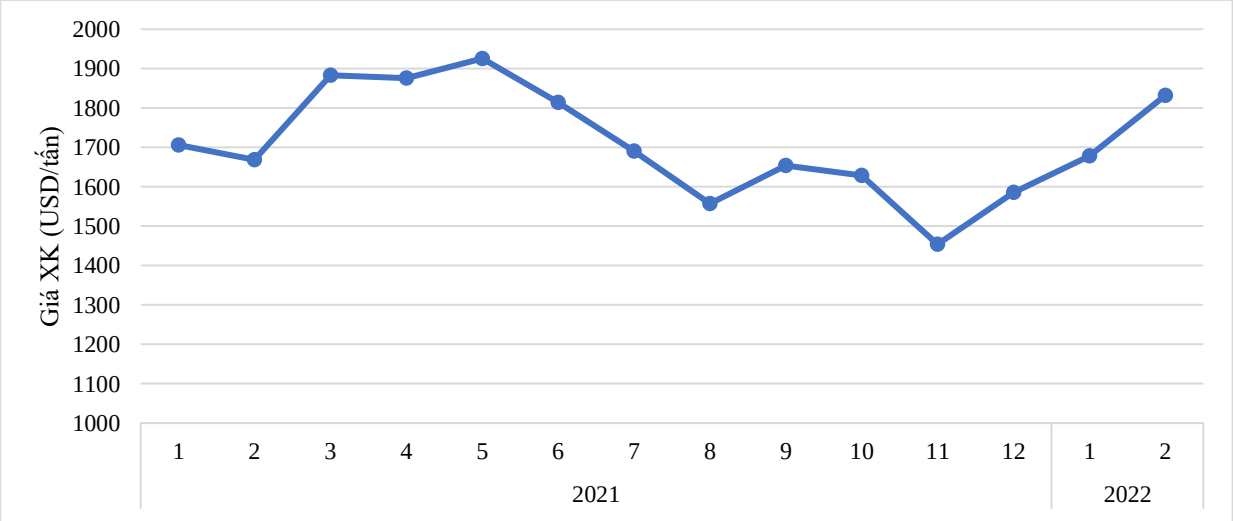

Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Lúa gạo

USDA cho biết Hoa Kỳ dự kiến sẽ gieo trồng khoảng gần 1 triệu ha lúa trong năm 2022, giảm khoảng 3% so với năm trước đó. Trong đó, các loại giống hạt ngắn và vừa sẽ giảm nhiều. Hầu hết tất cả các vùng trồng lúa đều dự báo sẽ giảm, ngoại trừ Louisiana. California dự kiến sẽ là vùng giảm diện tích nhiều nhất nguyên nhân chính vẫn do thời tiết khô hạn diễn biến phức tạp tương tự năm ngoái. Việc giảm diện tích sẽ dẫn đến việc giảm sản lượng lúa gạo trong năm nay, dự kiến mức giảm sẽ khoảng 8%.

2. Cà phê

Theo các nhà phân tích thị trường, dự báo xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong năm 2022 sẽ tiếp tục khả quan nhờ nguồn cung dồi dào, các hiệp định thương mại tạo lợi thế cạnh tranh cho cà phê Việt Nam và giá cà phê xuất khẩu nhiều khả năng duy trì ở mức cao. Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) cũng dự báo, niên vụ 2021/2022, sản lượng cà phê của Việt Nam dự báo đạt 31,1 triệu bao, nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi đã hỗ trợ năng suất.

3. Hạt tiêu

Triển vọng nhu cầu hồ tiêu năm 2022 đang tương đối tích cực khi các quốc gia trên thế giới đã ứng phó được phần nào dịch bệnh COVID-19, tiến hành mở cửa trở lại các nhà hàng, quán ăn… khiến cho lượng tiêu thụ gia vị hồ tiêu tăng trở lại. Nhu cầu hồ tiêu tại Mỹ trong những năm gần đây ở mức cao và có xu hướng tăng bất chấp ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch. Trong khi đó, hồ tiêu của Việt Nam đang ngày càng được ưa chuộng tại Mỹ với khối lượng nhập khẩu năm sau cao hơn năm trước.

4. Thủy sản

Dự báo xuất khẩu cá tra của Việt Nam năm 2022 sẽ tiếp tục tăng với các thị trường chủ yếu gồm: Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU. Trong đó, xuất khẩu cá tra sang thị trường Hoa Kỳ sẽ tiếp tục tăng do nhu cầu thị trường ở mức cao. Trong khi đó, Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thuỷ sản Việt Nam (Nafiqad) đã hoàn thiện hồ sơ gửi Cơ quan thanh tra và an toàn thực phẩm Hoa Kỳ (FSIS) công nhận thêm 6 doanh nghiệp cá tra Việt Nam đủ điều kiện xuất khẩu vào quốc gia này. Nafiqad cũng đang làm thủ tục đăng ký với FSIS để được phép xuất khẩu cá tra ở dạng chế biến, sản phẩm giá trị gia tăng vào Hoa Kỳ, bởi hiện xuất khẩu cá tra sang thị trường Hoa Kỳ chủ yếu là dạng sơ chế. Các hoạt động này nếu đạt kết quả, sẽ tạo điều kiện hết sức thuận lợi cho ngành hàng cá tra xuất khẩu sang Hoa Kỳ trong thời gian tới.

5. Gỗ và sản phẩm gỗ

Cục Phòng vệ Thương mại (Bộ Công Thương) đã công bố danh sách 11 nhóm sản phẩm xuất khẩu có nguy cơ bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại. Theo danh sách cập nhật, 4 sản phẩm gỗ có nguy cơ bị áp dụng biện pháp chống lẩn tránh, gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp hoặc biện pháp phòng vệ thương mại.

Cụ thể, 4 sản phẩm gỗ được cảnh báo bao gồm: Gỗ dán từ nguyên liệu gỗ cứng (hardwood plywood) gồm các mã HS 441231, 441232, 441233, 441234, 441294, 441299; tủ gỗ (Wooden cabinets and vanities) mã HS 940340, 940360; ghế sofa có khung gỗ (Seats with wooden frames, upholstered) mã HS 940161; gỗ thanh và viền dải gỗ được tạo dáng liên tục (Wood mouldings, millwork products) mã HS 440910, 440922, 440929.

Đại diện Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cho rằng: thời gian tới, để tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Hoa Kỳ, các doanh nghiệp cần kiểm soát chặt nguồn gốc gỗ, sản phẩm gỗ phải đáp ứng tiêu chuẩn môi trường và lao động.

6. Cao su

Triển vọng ngành cao su năm 2022 rất sáng, giá bán sẽ tiếp tục giữ ở mức cao. Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên dự báo sản lượng cao su toàn cầu năm 2022 sẽ tăng 5,6% so với năm 2021. Năm 2023, dự kiến nguồn cung cao su toàn cầu tiếp tục thiếu hụt, sẽ gia tăng thiếu hụt trong những năm tiếp theo.

PHỤ LỤC

Bảng 2. Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 2/2022

STT	Sản phẩm	Tháng 2/2022 (USD)	Tăng/giảm so T1/2022	Tăng /giảm so T2/2021	Tỷ trọng T2/2022
1	Cà phê	19,220,899	-65.8%	-1.3%	2.2%
2	Cao su	5,269,095	-59.8%	-12.6%	0.6%
3	Chè	1,433,735	7.9%	139.0%	0.2%
4	Gạo	1,774,738	10.1%	60.7%	0.2%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	559,571,389	-48.3%	2.3%	63.2%
6	Hàng rau quả	17,050,014	-50.3%	66.4%	1.9%
7	Hàng thủy sản	146,294,752	-58.9%	84.3%	16.5%
8	Hạt điều	52,504,781	-72.8%	54.4%	5.9%
9	Hạt tiêu	21,842,121	-38.8%	87.8%	2.5%
10	Mây tre đan	30,593,847	-39.8%	36.9%	3.5%
11	SP từ cao su	21,454,503	-59.9%	0.3%	2.4%
12	TĂGS &NL	8,972,489	-12.7%	111.0%	1.0%
Tổng XK NLTS		**885,982,363**			

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hoa Kỳ tháng 2/2022

Loại sản phẩm	Tháng 2/2021		Tháng 2/2022		So sánh 2022/2021 (%)	
	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
Gạo thơm	1.157	972.093	1.902	1.542.674	64,4%	58,7%
Gạo trắng	133	75.194	213	126.294	60,6%	68,0%
Các loại gạo khác	40	56.863	116	105.770	193,8%	86,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4. Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hoa Kỳ tháng 2/2022

TT	Sản phẩm	T2/2021 (USD)	T2/2022 (USD)	So sánh T2.2022/T2.2021
	Tổng giá trị XK	**10.245.021**	**17.050.014**	**66,4%**
1	Dừa	909.638	3.255.788	257,9%
2	Thanh long	1.639.798	2.998.684	82,9%
3	Sầu riêng	106.463	1.618.311	1420,1%
4	Dứa	189.885	1.178.981	520,9%
5	Xoài	810.698	730.324	-9,9%
6	Vú sữa	463.792	308.581	-33,5%
7	Nhãn	69.581	-	-100,0%
8	Chôm chôm	124.696	-	-100,0%
9	Khác	5.930.472	6.959.346	17,3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng cà phê sang Hoa Kỳ tháng 2/2022

Mặt hàng	T02/2021 (USD)	T02/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	17.249.391	16.292.673	-5,55%
Cà phê tan	812.836	863.141	6,19%
Khác	794.344	544.445	-31,46%
Đã rang chưa khử cafein	441.532	823.516	86,51%
Chưa rang đã khử cafein	178.078	688.565	286,67%
Đã rang đã khử cafein	1.236	2.307	86,62%
Tổng	19.477.417	19.214.648	-1,35%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang Hoa Kỳ tháng 2/2022

Loại sản phẩm	Tháng 2/2022 (USD)	Tháng 2/2021 (USD)	So sánh 2022/21(%)
Cá da trơn	41.495.506,1	15.934.525,0	160,4%
Cá ngừ	36.000.131,0	18.273.570,8	97,0%
Cá rô phi	107.360,0	68.915,4	55,8%
Cua, ghẹ	3.507.250,3	2.464.255,1	42,3%
Mực và bạch tuộc	1.423.953,4	820.682,9	73,5%
Tôm	50.028.719,9	31.619.536,9	58,2%
Thủy sản khác	13.731.831,4	10.214.727,8	34,4%
Tổng	**146.294.752,0**	**79.396.214,0**	**84,3%**

Nguồn: Tổng cục Hải quan